

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2013 định hướng sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2014**

#### **Phần thứ nhất**

#### **KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2013**

### **I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

#### **1. Thuận lợi**

- Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Trung ương và của tỉnh đã và đang tiếp tục đi vào cuộc sống, là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp trong thời gian tiếp theo; Đặc biệt, Nghị quyết số 52/2012/NQ-HĐND và Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND, ngày 19/7/2012 của HĐND tỉnh về cơ chế đầu tư, hỗ trợ phát triển giống cây trồng, vật nuôi và cơ chế hỗ trợ phát triển trồng trọt sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012-2015, Quyết định số 2089/QĐ-CT ngày 08/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và cấp kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2013 đã động viên, khích lệ nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất.

- Các xã trên địa bàn tỉnh đã có quy hoạch nông thôn mới, trong đó có quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, đây là cơ sở để các địa phương xác định và lựa chọn cây trồng chủ lực, tập trung đầu tư phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm tăng giá trị gia tăng trong sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nông dân;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi ngày càng hoàn thiện hơn;

- Các huyện, thành, thị đã chủ động, sớm xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất vụ Mùa, vụ Đông năm 2013 với các biện pháp chỉ đạo cụ thể, phù hợp, đảm bảo về thời vụ, cơ cấu giống, vật tư nông nghiệp, công tác thủy lợi, bảo vệ thực vật...

- Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cả về số và chất lượng. Sở Nông nghiệp & PTNT thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan làm tốt các dịch vụ, khuyến khích việc cung ứng, chuyển giao giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật tiên tiến phục vụ sản xuất. Đồng thời, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tổ chức thanh, kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng của các hoạt động dịch vụ;

- Nông dân trong tỉnh cần cù, chịu khó; có điều kiện tiếp thu, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, thuốc BVTV, kỹ thuật thâm canh các

loại cây trồng mới... vào sản xuất;

- Xuất hiện nhân tố mới trong sản xuất như: Thực hiện dồn ghép ruộng đất, thuê ruộng hoặc gom ruộng, góp phần quan trọng vào việc đổi mới tổ chức sản xuất với quy mô lớn, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa.

## **2. Khó khăn**

- Do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết có nhiều diễn biến bất thường. Đầu vụ thời tiết tương đối thuận lợi, lượng mưa rải đều từ đầu đến giữa vụ giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Tuy nhiên, vào đầu tháng 8 trên địa bàn tỉnh đã chịu tác động của cơn bão số 5, 6 và hoàn lưu rãnh thấp ngày 3-6/9/2013 gây mưa lớn trên diện rộng, gây ngập úng nội đồng, làm 4.040 ha lúa và 1.632 ha hoa màu bị mất trắng, 2.144 ha lúa và 193 ha hoa màu bị ảnh hưởng; vì vậy, đã làm giảm nghiêm trọng năng suất cây trồng vụ Mùa 2013.

- Thời tiết vụ Mùa mưa nắng xen kẽ, ẩm độ cao; tổng tích nhiệt toàn vụ đạt khoảng 5.407,8<sup>0</sup>C, ở mức cao hơn TBNN (*Chi tiết tại Bảng 1 phần phụ lục*); đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại trên cây trồng, nhất là rầy nâu và rầy lưng trắng, bệnh khô vằn... gây thiệt hại nặng cục bộ một số diện tích lúa.

- Giá các loại vật tư, phân bón, điện, xăng dầu, cước phí vận chuyển, công lao động lúc thời vụ... vẫn ở mức cao, giá nông sản thấp và không ổn định gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Giá trị ngày công lao động sản xuất ngành trồng trọt thấp hơn nhiều so với ngày công lao động phổ thông khác nên chưa khuyến khích nông dân đầu tư thâm canh phát triển sản xuất.

- Nền kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước và kinh tế của tỉnh gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến các nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp, một số diện tích nông dân không trồng cây vụ đông.

## **II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ MÙA, VỤ ĐÔNG NĂM 2013**

### **1. Kết quả sản xuất vụ Mùa**

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 33.443,9 ha, giảm 0,36% so với cùng kỳ năm trước (-120,7 ha). Diện tích cây lương thực có hạt: 29.695,0 ha, giảm 0,17% (-50,2 ha); sản lượng lương thực có hạt 128.148,1 tấn, tăng 8.474,7 tấn so cùng kỳ năm 2012.

Tổng giá trị sản xuất vụ Mùa tính theo giá thực tế đạt trên 1.230 tỷ đồng.

#### **a. Cây lúa:**

- Diện tích gieo cấy 28.131,5 ha, đạt 97,0% kế hoạch, giảm 0,44% so với cùng kỳ (-123,3ha).

- Năng suất gieo cấy: 43,42 tạ/ha, đạt 81,0% so kế hoạch và tăng 6,4% so với cùng kỳ (+2,6 tạ/ha); Năng suất thu hoạch: 50,7 tạ/ha, đạt 95,66% so kế hoạch và bằng 97,5% so với cùng kỳ.

- Sản lượng: 122.147,8 tấn, đạt 79,87% kế hoạch, tăng 5,93% so với cùng kỳ (+6.837,3 tấn);

*(Chi tiết tại Bảng 2, 3 phần phụ lục)*

- Cơ cấu trà lúa: Diện tích trà lúa Mùa sớm được giữ ổn định, đây là trà thường cho năng suất cao và làm cơ sở để mở rộng diện tích cây vụ đông. Cụ thể:

- + Trà lúa Mùa sớm chiếm 98,0%, năng suất gieo trồng đạt 43,81 tạ/ha;
- + Trà lúa Mùa muộn chiếm 2,0%, năng suất gieo trồng đạt 24,44 tạ/ha;

*(Chi tiết tại Bảng 4 phần phụ lục)*

- Cơ cấu giống lúa: Diện tích các giống có năng suất cao và ổn định, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu Vĩnh Phúc chiếm tỷ trọng lớn: Khang dân 18 (65,34%), Q5 (6,49%), các giống lúa chất lượng cao tiếp tục được duy trì và mở rộng diện tích, góp phần đáng kể trong việc nâng cao giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác, tăng thu nhập cho nông dân. Cụ thể: HT1 (5,77%), RVT (1,17%)...

*(Chi tiết tại Bảng 5 phần phụ lục)*

\* **Về thực hiện Nghị quyết 52 của HĐND tỉnh** (mô hình sử dụng giống lúa mới): Xây dựng được 66 vùng sử dụng giống lúa mới năng suất, chất lượng, với diện tích thực hiện: 619,53 ha, đạt 68,52% so với kế hoạch (KH 904,1 ha), tổng số hộ tham gia 6.416 hộ. Trong đó:

- Lúa QR1: 14 vùng, diện tích 150,93 ha;
- Lúa RVT: 33 vùng, diện tích 313,6 ha;
- Lúa Hoa ưu 109: 09 vùng, diện tích 100 ha;
- Lúa PC6: 10 vùng, diện tích 55 ha;

Các mô hình đều cho kết quả tốt, cho hiệu quả kinh tế cao hơn các giống lúa thông thường từ 3-5 triệu đồng/ha.

**b. Các loại cây hàng năm khác:** Diện tích, năng suất, sản lượng ngô, rau màu các loại đều tăng hơn so với cùng kỳ năm 2012. Tuy nhiên, cây đậu tương, hoa cây cảnh các loại giảm hơn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Ngô: Diện tích 1.563,5 ha, tăng 4,9% so cùng kỳ; năng suất 38,38 tạ/ha, tăng 31,11% so với cùng kỳ (+ 9,1 tạ/ha); sản lượng đạt 6.000,3 tấn, tăng 37,5% so cùng kỳ (+ 1.637,4 tấn).

- Khoai lang: Diện tích 212,5 ha, tăng 1,9% so cùng kỳ; năng suất 81,31 tạ/ha, tăng 33,26% so với cùng kỳ (+20,3 tạ/ha); sản lượng đạt 1.727,9 tấn, tăng 35,7% so cùng kỳ (+ 455 tấn).

- Rau các loại: Diện tích 1.688,9 ha, tăng 6,43% so cùng kỳ; năng suất 154,6 tạ/ha, tăng 24,02% so với cùng kỳ (+29,9 tạ/ha); sản lượng đạt 26.110,9 tấn, tăng 32% so cùng kỳ (+ 6.329 tấn).

- Lạc: Diện tích 669,1 ha, tăng 19,76% so cùng kỳ; năng suất 16,14 tạ/ha, tăng 5,33% (+0,8 tạ/ha); sản lượng đạt 1.079,7 tấn, tăng 26,1% so cùng kỳ (+ 223,5 tấn).

- Đậu tương: Diện tích 342,5 ha, giảm 42,45% so với cùng kỳ; năng suất 15,87 tạ/ha, tăng 12,4% so với cùng kỳ (+1,8 tạ/ha). Một số cây hàng năm, cây thức ăn gia súc, hoa cây cảnh,... diện tích đều giảm hơn so với cùng kỳ 2012.

*(Chi tiết tại Bảng 2 phần phụ lục)*

## 2. Kết quả sản xuất vụ Đông

Vụ Đông 2013-2014, toàn tỉnh đã gieo trồng được 20.387,4 ha cây hàng năm, đạt 90,61% so với KH và tăng 2,4% so với cùng vụ Đông năm trước (+473,6 ha). Tổng giá trị sản xuất toàn vụ Đông (tính theo giá thực tế) ước đạt trên 1.000 tỷ đồng. Cụ thể :

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng đạt 11.092,7 ha, đạt 92,44% so với KH, bằng 93,8% so với cùng kỳ. Năng suất đạt 41,59 tạ/ha, bằng 102,28% so cùng kỳ. Sản lượng đạt 46.131,7 tấn, giảm 1.977 tấn (-4,11%) so cùng kỳ.

- Khoai lang: Diện tích gieo trồng: 2.237,6 ha, đạt 111,88% so với KH, bằng 113,1% so với cùng kỳ. Năng suất đạt 104,32 tạ/ha, tăng 2,83% so cùng kỳ. Sản lượng đạt 23.343,1 tấn, tăng 3.267,0 tấn (+16,27%) so cùng kỳ.

- Đậu tương: Diện tích 1.938,6 ha, đạt 48,47% so với KH, bằng 93,2% so với cùng kỳ. Năng suất đạt 17,29 tạ/ha, tăng 3,03% so cùng kỳ. Sản lượng đạt 3.351,8 tấn, giảm 139,3 tấn (-3,99%) so cùng kỳ.

- Cây lạc: 185,4 ha, đạt 37,08% so với KH, bằng 89,7% so với cùng kỳ. Năng suất đạt 17,78 tạ/ha, tăng 0,29% so cùng kỳ. Sản lượng đạt 329,7 tấn, bằng 89,91% so cùng kỳ.

- Rau các loại: Diện tích gieo trồng 4.617,8 ha, đạt 131,94% so với KH, bằng 127,4% so với cùng kỳ. Năng suất đạt 213,68 tạ/ha, tăng 13,6% (+25,58 tạ/ha) so cùng kỳ. Sản lượng đạt 98.671,6 tấn, tăng 45,25% (+30.740,9 tấn) so cùng kỳ.

- Hoa, cây cảnh: Diện tích gieo trồng: 28,0 ha, bằng 73,9% so với cùng kỳ

- Cây hàng năm khác: Diện tích gieo trồng: 286,9 ha.

*(Chi tiết tại Bảng 6 phần phụ lục)*

\* **Về thực hiện Nghị quyết 53 của HĐND tỉnh** (phát triển các vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa):

- **Kết quả hỗ trợ vùng TTSXHH:** Toàn tỉnh triển khai được 128 vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa các loại với tổng diện tích gieo trồng: 930,23 ha với 13.064 hộ tham gia; Tổng kinh phí hỗ trợ: 7.326,5 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vùng sản xuất bí đỏ: Triển khai 80 vùng, diện tích thực hiện: 577,35 ha, số hộ tham gia: 9.194 hộ;

+ Vùng sản xuất dưa chuột: Triển khai 13 vùng, diện tích thực hiện: 95,0 ha, số hộ tham gia: 1.387 hộ;

+ Vùng sản xuất ớt: Triển khai 02 vùng, diện tích thực hiện: 10 ha, số hộ tham gia: 89 hộ;

+ Vùng sản xuất su su: Triển khai 05 vùng, diện tích thực hiện: 75,53 ha, số hộ tham gia: 590 hộ;

+ Vùng sản xuất khoai tây: Triển khai 28 vùng, diện tích thực hiện: 172,35 ha, số hộ tham gia: 1.804 hộ;

- *Kết quả hỗ trợ bổ sung cây bí đỏ theo cơ chế hỗ trợ vùng TTSXHH:*

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Vĩnh Phúc tại Văn bản số 5606/UBND-NN3 ngày 03/10/2013 về việc chuyển nguồn kinh phí hỗ trợ trồng ngô và đậu tương vụ Đông sang hỗ trợ phát triển cây bí đỏ hàng hóa; Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các huyện, thành, thị, các đơn vị trực thuộc triển khai bổ sung diện tích cây bí đỏ theo cơ chế hỗ trợ vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa nhằm mở rộng tối đa diện tích cây vụ Đông 2013. Kết quả, toàn tỉnh mở rộng được 343,65 ha cây bí đỏ, với 42 vùng và có 3.272 hộ tham gia; tổng kinh phí bổ sung: 2.041 triệu đồng.

### **III. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT**

#### **1. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý, chỉ đạo của các cơ quan nhà nước**

- Thường xuyên được lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo sâu sát;

- Sở Nông nghiệp & PTNT cùng các ngành liên quan đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành, thị tập trung chỉ đạo sản xuất. Các địa phương đã sớm chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất sát với tình hình thực tiễn, phù hợp với điều kiện của từng nơi nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng sinh thái và mang lại hiệu quả kinh tế cao;

- Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (Chi cục BVTV, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Kỹ thuật rau hoa quả, Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp...) phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế), UBND các xã, HTX xây dựng nhiều mô hình trình diễn để nông dân tham quan, học tập, làm cơ sở nhân rộng trong các vụ tiếp theo. Trong đó, một số mô hình đạt kết quả tốt như: Mô hình giống lúa chất lượng RVT, DQ11; mô hình sản xuất một số giống bí bằng phương pháp giàn leo; ngô lai GS8 và các giống cây màu khác;

- Trước tình hình thời tiết có nhiều diễn biến bất thuận, ảnh hưởng đến sản xuất của vụ Mùa - vụ Đông 2013, Sở Nông nghiệp & PTNT đã tham mưu kịp thời để tỉnh có chính sách hỗ trợ cho nông dân khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra (Quyết định số 143/QĐ-CT ngày 15/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt và cấp kinh phí hỗ trợ thiệt hại do cơn bão số 5, bão số 6 và đợt mưa lũ từ ngày 04/9 đến ngày 06/9/2013 gây ra cho các đơn vị); đồng thời, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức việc triển khai kịp thời, có hiệu quả các biện pháp khắc phục thiên tai. Đề xuất kịp thời chuyển nguồn kinh phí hỗ trợ vụ Đông cho cây ngô và đậu tương không sử dụng hết sang mở rộng diện tích trồng cây bí đỏ. Các cấp, các ngành cùng nông dân tích cực bám sát đồng ruộng, khắc phục khó khăn, góp phần giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất, giúp nông dân tích cực phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực thanh tra**

\* *Vụ Mùa 2013*, đã tiến hành tổ chức 02 đợt thanh, kiểm tra việc sản xuất,

kinh doanh giống cây trồng và phân bón trên địa bàn. Nội dung chủ yếu là kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh; việc chấp hành các quy định về hợp đồng sản xuất, kinh doanh; quy định về nhãn mác, bao bì, việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, chất lượng của giống, vật tư, phân bón...; Cụ thể:

- Về giống cây trồng: Tiến hành thanh, kiểm tra 01 đợt; lấy 13 mẫu giống lúa các loại để thử nghiệm, kết quả: 06/13 mẫu giống lúa phù hợp với quy chuẩn, 07/13 mẫu giống lúa có chỉ tiêu về độ ẩm và hạt cỏ dại không phù hợp với quy chuẩn.

- Về phân bón: Tiến hành thanh, kiểm tra 01 đợt; lấy 18 mẫu thử nghiệm, kết quả: 12 mẫu (66,67% mẫu) đạt yêu cầu, 06 mẫu (33,33% mẫu) có chỉ tiêu không đảm bảo chất lượng ghi trên bao bì sản phẩm.

Thanh tra Sở đã nhắc nhở, yêu cầu Công ty có mẫu giống lúa, phân bón không đảm bảo chất lượng phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và phân bón.

\* *Vụ Đông 2013*: Tổ chức 02 đợt thanh, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và phân bón trên địa bàn.

- Về giống cây trồng: Tổ chức kiểm tra 28 cơ sở kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn 09 huyện thành, thị. Hầu hết các cơ sở kinh doanh đảm bảo điều kiện về kinh doanh giống cây trồng theo quy định. Tuy nhiên, có 3 cơ sở kinh doanh các giống ngô HN92, TL2008 và ADI 600 là những giống không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh cây trồng. Lấy 05 mẫu giống ngô các loại để phân tích, kết quả có 05/05 mẫu ngô đều có chất lượng phù hợp quy chuẩn.

- Về phân bón: Tổ chức kiểm tra 29 cơ sở kinh doanh phân bón. Kết quả, hầu hết các cơ sở đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định; Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở chưa có phiếu kiểm nghiệm của lô phân bón đang kinh doanh, chưa có kho chứa đạt yêu cầu, chưa có thiết bị phòng chống cháy nổ, cũng như chưa đảm bảo điều kiện an toàn lao động; cán bộ kỹ thuật chuyên môn không phù hợp; một số cơ sở do kinh doanh nhỏ lẻ nên không có hóa đơn xuất, nhập hàng...

Công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, vật tư, phân bón tiếp tục được tăng cường đã góp phần đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng đi vào nề nếp, bảo vệ quyền lợi cho nông dân.

#### **IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, PHỤC VỤ SẢN XUẤT**

##### **1. Công tác tuyên truyền, chuyển giao và ứng dụng TBKHKT**

- Đã in ấn, phát hành hàng nghìn bản tin, hàng vạn tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật; Xây dựng nhiều chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin Nông nghiệp & PTNT... Tuyên truyền trên các Panô, áp phích và hệ thống truyền thanh cơ sở với những nội dung thiết thực, dễ hiểu, phát huy hiệu quả. Ngoài ra, các cơ quan thông tin đại chúng, các sở, ban ngành, các tổ chức đoàn thể... đã tích cực phối hợp với

ngành Nông nghiệp & PTNT từ tỉnh đến cơ sở, tham gia tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn cho nông dân và các hội viên của mình tích cực ứng dụng các TBKHKT vào phát triển sản xuất.

- Tổ chức các hội nghị tham quan đầu bờ, các lớp tập huấn kỹ thuật cho hàng nghìn lượt nông dân về các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho lúa, rau, màu...

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nông dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ sinh học, phân vi sinh, phân bón lá, sử dụng phân bón cân đối, hợp lý; áp dụng những TBKT như: Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP)... vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

## **2. Công tác BVTV**

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục BVTV triển khai, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, ra thông báo chỉ đạo; phối hợp với các cấp, các ngành và các địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình sâu bệnh, hướng dẫn phòng trừ kịp thời, hiệu quả, nên đã giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh và chuột hại gây ra, bảo vệ an toàn sản xuất.

- Vụ Mùa: Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh và chuột và ốc bươu vàng trên cây lúa: 12.487,1 ha (bằng 88,86 % so với vụ mùa 2012). Trong đó, diện tích đến ngưỡng cần phòng trừ 3.467,1 ha (bằng 102,24% so với vụ Mùa 2012), diện tích bị hại nặng 1.256,5 ha (bằng 160,27% so với vụ Mùa 2012), diện tích bị mất trắng cục bộ 0,5 ha (*vụ Mùa 2012 không có diện tích mất trắng*). Diện tích được phòng trừ 14.934 ha (bằng 79,86% cùng kỳ 2012). Tỷ lệ thiệt hại bình quân chung do sâu bệnh, chuột hại ở mức 0,8%.

- Vụ Đông: Tổng diện tích nhiễm sâu bệnh, chuột hại: 2.475,5 ha. Trong đó, đến ngưỡng phòng trừ 316,0 ha; diện tích được phòng trừ 2.100 ha. Tỷ lệ thiệt hại do sâu bệnh, chuột hại ở mức 0,04%.

Công tác Kiểm dịch thực vật, khai báo Kiểm dịch thực vật tiếp tục được thực hiện tốt, góp phần hạn chế dịch bệnh xâm nhập từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh. Công tác thanh kiểm tra BVTV được tăng cường, các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc và vật tư BVTV được quản lý chặt chẽ, đi vào nề nếp, góp phần bảo vệ sản xuất và quyền lợi cho nông dân.

## **3. Về thủy lợi**

Ngay từ đầu vụ Mùa, Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo, yêu cầu các Công ty TNHH một thành viên thủy lợi chủ động xây dựng phương án bảo đảm tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất, chủ động trữ nước phục vụ tưới vụ Xuân 2014; Tiến hành nạo vét kênh mương, cửa khẩu các trạm bơm, tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, thực hiện tưới tiết kiệm, hiệu quả.

Tổng diện tích phục vụ tưới vụ Mùa đạt 33.443,9 ha (trong đó lúa nước 28.131,5 ha, cây rau màu 5.312,4 ha); Tổng diện tích phục vụ tưới vụ Đông là 20.387,4 ha.

#### **4. Về dịch vụ giống**

Nhu cầu về giống cho sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2013 trên toàn tỉnh ước khoảng 2 nghìn tấn giống cây trồng các loại. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của tỉnh đã cung ứng trên 600 tấn giống các loại (trong đó khoảng 500 tấn giống lúa, trên 100 tấn giống ngô và trên 20 tấn hạt giống rau các loại). Ngoài ra, các doanh nghiệp ngoài tỉnh, cơ quan TW cung ứng trực tiếp đến các địa phương, hộ nông dân trên địa bàn tỉnh một lượng lớn giống các loại. Số còn lại chủ yếu do các xã, HTX và hộ nông dân tự tổ chức nhân giống để phục vụ sản xuất trên địa bàn. Về cơ bản, việc sản xuất, cung ứng giống trồng đảm bảo về chất lượng giống, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất.

#### **5. Về dịch vụ vật tư, phân bón**

Giá phân bón và các loại vật tư khác vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến sản xuất. Theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp & PTNT, các đơn vị cung ứng chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, phân bón, thuốc BVTV đảm bảo chất lượng, giá cả phù hợp phục vụ sản xuất, góp phần bình ổn giá. Hội Nông dân cũng mở rộng liên kết, thực hiện cung ứng trả chậm được 2.110 tấn phân bón các loại, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nông dân trong tỉnh.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo, xây dựng các mô hình “3 giảm 3 tăng”, áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI)... Bà con nông dân ngày càng quan tâm hơn đến việc sử dụng phân bón cân đối, hợp lý cho cây trồng, giảm phân đạm, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, phân bón qua lá, phân Kali... để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

#### **IV. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2013 vẫn còn một số hạn chế, yếu kém sau đây:

- Công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác chưa được kịp thời, nhất là về sử dụng phân bón và phòng trừ sâu bệnh hại;

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số địa phương chưa quyết liệt, nhất là chuyển dịch cơ cấu giống (chậm đưa TBKT về giống mới vào sản xuất). Cơ cấu giống lúa vẫn chủ yếu là Khang dân 18 và Q5;

- Các mô hình sản xuất được đánh giá có hiệu quả như: Áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), các mô hình sản xuất hàng hóa, mô hình lúa năng suất, chất lượng cao, cà chua, bí đỏ, bí xanh, dưa chuột, dưa hấu... chậm được nhân rộng. Triển khai thực hiện vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa quy mô còn nhỏ và phân tán;

- Lĩnh vực bảo quản và chế biến sau thu hoạch chưa được quan tâm, sản phẩm nông sản chủ yếu mới chỉ là sơ chế, còn ít nông sản có thương hiệu;

- Công tác phục vụ tưới, tiêu một số còn chưa hợp lý và kịp thời; đặc biệt

công tác tiêu úng cho vụ Mùa và vụ Đông còn nhiều hạn chế; công tác tưới của một số địa phương cho vụ Đông còn ít được quan tâm;

- Vẫn còn tình trạng lạm dụng phân bón (nhất là phân đạm), thuốc BVTV gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, chất lượng nông sản và môi trường. Cán bộ làm công tác BVTV hoạt động chưa đồng đều, một số trạm BVTV còn chủ quan chưa bám sát địa bàn nên vẫn để xảy ra cháy rầy và sâu đục thân gây hại nặng ở một số xã thuộc huyện Bình Xuyên, Yên Lạc;

- Nhiều nơi sử dụng phân bón không hợp lý, không phù hợp với nhu cầu sinh lý từng giai đoạn của cây trồng; bón phân không cân đối, dùng quá nhiều phân đạm...

## **Phần thứ hai**

### **ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG NĂM 2014**

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, vụ Xuân năm nay rét đậm, rét hại kéo dài, trời âm u, thiếu ánh sáng, cây lúa sinh trưởng, phát triển chậm, thời gian thu hoạch dự kiến sẽ muộn khoảng 10 - 15 ngày (thậm trí, một số diện tích lúa bị chết phải cấy lại, khoảng 20/5 mới trở) nên sẽ gây áp lực cao về thời vụ cho vụ Mùa - vụ Đông 2014; nguồn giống phục vụ sản xuất sẽ khó khăn, giá giống có khả năng thiếu ổn định; có ít thời gian cách ly sâu bệnh... Vì vậy, việc tập trung mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất vụ Mùa, vụ Đông 2014 là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, góp phần phát triển kinh tế, ổn định an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Theo dự báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh Vĩnh Phúc, do biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết sẽ tiếp tục có những diễn biến trái với quy luật nhiều năm. Thể hiện rõ nhất là biến đổi của nhiệt độ và một số hiện tượng bất thường về thời tiết... số cơn bão và áp thấp nhiệt đới có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN là 5 - 6 cơn. Lượng mưa phổ biến 1.400 - 1.500 mm, với những đợt mưa lớn tập trung vào các tháng 5, 6 và 7 (lượng mưa phổ biến 250 - 300 mm); Mưa ít nhất là vào tháng 10, lượng mưa các nơi phổ biến 70 - 100mm. Nhiệt độ toàn vụ có khả năng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN, tháng nóng nhất có khả năng xảy ra vào tháng 6, 7 với nền nhiệt độ trung bình ngày 28 - 29<sup>0</sup>C, nhiệt độ cao nhất 36 - 38<sup>0</sup>C. Do vậy, cần theo dõi sát diễn biến thời tiết để chủ động có các biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời;

#### **I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG**

- Tập trung mọi nguồn lực nhằm mở rộng tối đa diện tích gieo trồng, kể cả vụ Mùa và vụ Đông, hạn chế tình trạng để đất trống. Tăng cường sử dụng giống có chất lượng tốt, giống chống chịu sâu bệnh, gắn liền với đầu tư thâm canh, gieo trồng hết diện tích, đảm bảo đúng khung lịch thời vụ để tăng năng suất, sản lượng cây trồng;

- Chú trọng phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung,

gắn liền với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa đáp ứng nhu cầu trong và ngoài tỉnh;

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; Từng bước áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và công nghệ sau thu hoạch vào sản xuất; Đặc biệt chú trọng sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích canh tác;

- Tiếp tục mở rộng cả về quy mô, đối tượng, chủng loại giống cây trồng có giá trị cao để sản xuất hàng hoá, mang tính đặc trưng và phát huy thế mạnh của địa phương như: vùng lúa chất lượng cao ở các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc, Bình Xuyên, vùng dưa chuột Tam Dương, vùng bí đỏ Vĩnh Tường, vùng su su Tam Đảo, Khoai tây Sông Lô, Lập Thạch...;

- Chủ động phương án tưới, tiêu phục vụ sản xuất vụ Mùa - vụ Đông gắn liền với công tác PCLB, tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai; nhất là việc tiêu úng khi có mưa lớn. Sẵn sàng ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu; chú trọng việc dự phòng nguồn giống, vật tư... kịp thời phục vụ sản xuất khi có thiên tai xảy ra.

## **II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Các chỉ tiêu chủ yếu**

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Mùa 33.000 ha; vụ Đông 22.300 ha;
- Tổng sản lượng lương thực có hạt 204.706 tấn; trong đó:
  - + Vụ Mùa: Lúa 148.906 tấn, ngô 5.400 tấn;
  - + Vụ Đông: Ngô 50.400 tấn.

*(Chi tiết tại các biểu Bảng 7, 8, 9 phần phụ lục).*

- Tổng giá trị sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2014 theo giá thực tế, phấn đấu đạt trên 2,5 nghìn tỷ đồng.

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### **2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất**

Các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp & PTNT làm tốt công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất. Trên cơ sở chủ trương, định hướng của tỉnh, các địa phương cần cụ thể hoá cho phù hợp, bám sát tình hình sản xuất để có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, thực sự coi đây là nhiệm vụ quan trọng cần được ưu tiên ở địa phương;

Các huyện, thành, thị phân công lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thường xuyên bám sát cơ sở, tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất;

Sở Nông nghiệp & PTNT phân công lãnh đạo Sở, lãnh đạo và chuyên viên các phòng, ban, đơn vị liên quan phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) các huyện, thành, thị, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ

chức đoàn thể để tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Mùa, vụ Đông; kịp thời phát hiện và đề xuất các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Từ nay đến hết năm 2014, giao Thanh tra Sở chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành, thị, các ngành liên quan tổ chức 4 - 5 đợt thanh, kiểm tra định kỳ và đột xuất về chất lượng giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch, không để tình trạng các cửa hàng, đại lý kinh doanh hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng cấm sử dụng... gây ảnh hưởng đến sản xuất. Kết quả thanh, kiểm tra phải được thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt, các doanh nghiệp vi phạm sẽ được công bố công khai để nhân dân trong tỉnh biết.

Tập trung chỉ đạo các huyện, thành, thị, các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan triển khai tốt kế hoạch hỗ trợ mô hình sử dụng giống lúa mới và phát triển vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa tập trung theo Quyết định số 3781/QĐ-CT ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

## **2. 2. *Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền***

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Đài PT - TH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin Nông nghiệp & PTNT, hệ thống truyền thanh cơ sở, các hội nghị, các lớp tập huấn, bằng các tờ rơi... tích cực tuyên truyền sâu rộng, phổ biến các chủ trương, định hướng của tỉnh về sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2014: Hướng dẫn thực hiện đúng cơ cấu giống, thời vụ; giới thiệu các mô hình sản xuất có hiệu quả, những biện pháp kỹ thuật thâm canh, những giống cây trồng mới, thông tin thị trường, diễn biến của thời tiết, các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và biện pháp khắc phục. Đặc biệt, tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nông dân về sử dụng phân bón và phòng trừ sâu bệnh hại; biểu dương kịp thời các điển hình, địa phương làm tốt công tác dồn ghép ruộng đất và các mô hình tổ chức sản xuất mới có hiệu quả để nhân rộng.

## **2.3. *Bố trí cơ cấu cây trồng, giống và thời vụ, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương***

### **a) Vụ Mùa:**

#### **\* Đối với lúa Mùa:**

Thực hiện tốt “*Hướng dẫn cơ cấu giống cây trồng và thời vụ năm 2014*” của tỉnh đã ban hành. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết cực đoan trong vụ Đông Xuân 2013 - 2014 làm kéo dài thời gian sinh trưởng dẫn thu hoạch muộn so trung bình nhiều năm từ 10-15 ngày. Vì vậy, các địa phương cần chủ động điều chỉnh thời vụ gieo mạ để đảm bảo cây mạ non, ưu tiên sử dụng giống ngắn ngày, không để tình trạng mạ chờ ruộng.

- *Trà Mùa sớm:* Sử dụng các giống lúa: KD18, Q5, QR1, HT1, RVT, DQ11, hoa khô 4, nếp 97... Thời vụ gieo từ 05-15/6, tuổi mạ 10-15 ngày. Riêng các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc và Bình Xuyên nên tập trung gieo từ 10-15/6. Đối với những nơi chủ động tưới tiêu, khuyến khích áp dụng biện pháp gieo thẳng, thời gian gieo từ 10-15/6.

- *Trà Mùa trung*: Sử dụng các giống Q5, KD18, nếp 97... Gieo từ 15-20/6; Tuổi mạ 15 - 30 ngày.

Cần chuẩn bị giống lúa ngắn ngày (VD3...) dự phòng để chủ động khắc phục khi có thiên tai .

\* Cây trồng khác:

- Cây ngô: Sử dụng các giống NK4300, LVN10, LVN4, NK6654... gieo từ 10-15/6;

- Cây lạc: Sử dụng các giống L14, L15, Sen lai... gieo xong trước 05/7;

- Cây đậu tương: DT84, ĐT22, ĐT26... gieo từ 01-10/6.

*b) Vụ Đông:*

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hoá cây trồng, tăng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: rau, hoa, quả, cây ưa lạnh, cây trung tính, tăng diện tích lạc, đậu tương, kết hợp áp dụng các TBKT mới để hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế. Áp dụng biện pháp làm bầu, làm đất tối thiểu để tranh thủ thời vụ.

- Các cây: Hành tây, rau giống, ngô LVN10... gieo xong trước 15/9;

- Cây ngô: Sử dụng các giống NK4300, NK6654, LVN4, Pioneer30N34, ngô nếp... gieo xong trước 30/9;

- Cây lạc: Sử dụng các giống L14, L15, L18, Sen lai... gieo xong trước 15/9;

- Cây đậu tương: Sử dụng các giống DT84, ĐT22, DT96... gieo xong trước 05/10;

- Các cây khoai tây, khoai sọ, trồng xong trước 20/11;

- Rau, đậu, hoa các loại: Gieo từ 20/9.

- Mở rộng diện tích một số loại hoa hàng hóa (Hoa hồng, Lyli, loa kèn, đồng tiền, phăng, cúc các loại...) tăng cường sử dụng giống mới có mẫu mã, hình thức đẹp, có giá trị kinh tế, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, phù hợp điều kiện sinh thái của tỉnh. Để nâng cao giá trị kinh tế, có hoa cung cấp trong dịp Tết Nguyên Đán, thời vụ trồng các loại hoa Lyli, loa kèn có thể trồng từ 01 - 10/11, hoa cúc trồng từ 15 - 25/11...

## **2.4. Làm tốt các dịch vụ phục vụ sản xuất, gắn liền công tác QLNN**

### *2.4.1. Về giống, vật tư phân bón*

- Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV theo chức năng nhiệm vụ của mình, căn cứ định hướng cơ cấu giống cây trồng, thời vụ sản xuất của tỉnh, chuẩn bị đủ giống tốt và các loại vật tư, phân bón, thuốc BVTV đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất. Giao Trung tâm Giống cây trồng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ giống có năng suất, chất lượng tốt để phục vụ sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2014; đồng thời từng bước tăng cường sản xuất giống tại chỗ để chủ động đáp ứng nhu

cầu sản xuất;

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết, tích cực bón phân cân đối, nhất là tăng cường sử dụng phân kali cho cây trồng;

- Tiếp tục khảo nghiệm, thử nghiệm, trình diễn các giống cây trồng mới có triển vọng, chọn ra giống tốt, phù hợp để đưa vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh trong các vụ sản xuất tiếp theo;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học như sử dụng giống cây trồng sạch bệnh, giống có năng suất, chất lượng cao,...

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, dịch vụ cung ứng giống và vật tư phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở chấp hành tốt các quy định của Nhà nước.

#### *2.4.2. Công tác bảo vệ thực vật*

Giao Chi cục BVTV tăng cường hơn nữa công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, chuột hại trên đồng ruộng, đảm bảo chính xác, kịp thời, khoa học; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông đại chúng (Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, báo Vĩnh Phúc, hệ thống truyền thanh cơ sở...), tích cực tuyên truyền, hướng dẫn nông dân cụ thể nhất việc thực hiện có hiệu quả công tác phòng trừ sâu bệnh, chuột hại, đặc biệt là cao điểm sâu bệnh, chuột hại vụ Mùa (tháng 8, đầu tháng 9), vụ Đông (tháng 11) để chủ động ngăn chặn và phòng trừ kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do sâu, bệnh, chuột gây ra. Đẩy mạnh hướng dẫn nông dân ứng dụng biện pháp “3 giảm, 3 tăng” và hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI) trên cây lúa, biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) trên các loại cây trồng. Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về BVTV và KDTV, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Pháp lệnh Bảo vệ thực vật và Kiểm dịch thực vật.

#### *2.4.3. Công tác chuyển giao và ứng dụng TBKT*

- Các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan (Chi cục BVTV, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Kỹ thuật rau hoa quả, Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp, Trung tâm Thông tin Nông nghiệp & PTNT...) phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng, Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế), UBND các xã, HTX tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến bà con nông dân. Quan tâm đến vùng núi, vùng còn nhiều khó khăn trong việc đưa TBKT vào sản xuất.

Giao Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, làm tốt công tác thông tin tuyên truyền và hướng dẫn nông dân sử dụng phân bón đạt hiệu quả, nhất là việc tăng cường sử dụng phân hỗn hợp, phân kali, phân hữu cơ vi sinh, bón phân cân đối và phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh của tỉnh.

- Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả cao, dễ áp dụng để nhân ra diện rộng. Tiếp tục trình diễn, mở rộng quy mô áp dụng các TBKT mới về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác mới để nông dân thăm quan, học tập. Trong quá trình triển khai cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc Sở với các huyện, thành, thị;

- Thực hiện sử dụng giống tốt, giống chống chịu sâu bệnh, gắn liền với đầu tư thâm canh, gieo cấy đúng thời vụ tốt nhất để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người nông dân. Đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ canh tác tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, xây dựng mô hình liên kết sản xuất. Từng bước tuyên truyền, chỉ đạo nông dân thực hiện sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) để tạo sản phẩm đảm bảo an toàn VSTP, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tăng thu nhập cho nông dân.

#### *2.4.4. Về công tác thủy lợi*

Chi cục Thủy lợi chỉ đạo các Công ty TNHH MTV thủy lợi: Liễu Sơn, Tam Đảo, Lập Thạch, Phúc Yên xây dựng kế hoạch và thống nhất lịch tưới, tiêu cụ thể; phối hợp chặt chẽ với các huyện, thành, thị, các xã, HTX quản lý tốt nguồn nước, bảo đảm tưới, tiêu hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất cây trồng. Trước mùa mưa bão, cần khơi thông các trục tiêu, bảo dưỡng các trạm bơm tiêu để sẵn sàng tiêu úng vụ Mùa khi có mưa lũ xảy ra. Đối với vụ Đông, vừa phải ưu tiên tưới dưỡng cho cây trồng, vừa phải trữ nước để phục vụ sản xuất vụ Xuân 2015. Đảm bảo quyền lợi cho nông dân trong việc thực hiện chính sách miễn thủy lợi phí của tỉnh.

### **III. MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ**

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Cục Trồng trọt và các cơ quan Trung ương quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ về phát triển sản xuất hàng hóa, hỗ trợ đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật đến với nông dân, hỗ trợ các mô hình áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, cánh đồng mẫu lớn và công nghệ cao vào sản xuất;

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, các huyện, thành, thị tăng cường phối hợp với ngành Nông nghiệp & PTNT trong quá trình tổ chức triển khai sản xuất cũng như kịp thời tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy sản xuất phát triển. Bố trí kinh phí kịp thời cho các chương trình, đề án, dự án phục vụ sản xuất vụ Mùa - vụ Đông năm 2014. Đồng thời, có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các địa phương thực hiện dồn ghép ruộng đất; cho các tổ chức, cá nhân thuê ruộng hoặc gom ruộng; góp phần quan trọng vào việc đổi mới tổ chức sản xuất với quy mô lớn, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Sản xuất vụ Đông được coi là vụ sản xuất chính thứ 3 trong năm và là vụ có nhiều loại cây trồng hàng hóa. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên năm nay vẫn có nhiều áp lực về thời vụ; thu nhập trong nông nghiệp còn thấp hơn so với các ngành nghề khác... dẫn đến xu hướng giảm diện tích gieo trồng. Vì vậy, để khuyến khích nông dân mở rộng diện tích, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục hỗ trợ nông dân phát triển, mở rộng tối đa diện tích cây vụ Đông.

- Trong vụ Xuân 2014, việc triển khai hỗ trợ mô hình sử dụng giống lúa

mới và phát triển vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa tập trung theo Quyết định số 3781/QĐ-CT ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh mới đạt khoảng 30% diện tích so với kế hoạch. Nguyên nhân, do một số địa phương không thực hiện được như đăng ký ban đầu. Để phấn đấu triển khai thực hiện tốt Quyết định số 3781/QĐ-CT, đề nghị UBND tỉnh cho phép các đơn vị triển khai được điều chỉnh quy mô, địa điểm, loại giống cây trồng trên cơ sở không tăng nguồn kinh phí đã được phê duyệt cho cả năm 2014.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tăng cường công tác mở rộng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng hiệu quả sản xuất; chủ động phối hợp với các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Khoa học & Công nghệ triển khai có hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương các nội dung phát triển vùng trồng trọt hàng hóa, mô hình sử dụng giống lúa mới theo Quyết định số 3781/QĐ-CT ngày 26/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân trong việc thuê, gom ruộng phát triển sản xuất hàng hóa.

Phát huy kết quả đạt được trong những năm qua, khắc phục những hạn chế, yếu kém, với kinh nghiệm và cố gắng nỗ lực của bà con nông dân trong tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp & PTNT, ngành Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc quyết tâm phấn đấu sản xuất vụ Mùa - vụ Đông 2014 đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- TT TU, TT HĐND, TT UBND tỉnh (B/c);
- Cục Trồng trọt (B/c);
- VPTU, VP HĐND, VP UBND;
- Các sở, ban, ngành liên quan (P/h);
- UBND các huyện, thành, thị (P/h);
- GD & các PGD Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị của Sở (T/h);
- Phòng NN&PTNT ( Kinh tế) các huyện, thành, thị (T/h);
- Lưu: VT, TT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**Lê Văn Dũng**

## PHỤ LỤC

### Bảng 1. Diễn biến thời tiết vụ Mùa - vụ Đông năm 2013

TT	Tháng	6	7	8	9	10	11	12	Cả vụ
	Chỉ tiêu								
<b>I</b>	<b>Nhiệt độ (°C)</b>								
	Năm 2009	29,9	29,4	29,8	29,1	26,5	21,7	19,8	5.665,0
	Năm 2010	30,5	30,3	28,3	28,4	25,3	22,3	19,1	5.629,0
	Năm 2011	29,3	29,7	28,7	27,5	24,6	24,0	17,2	5.530,2
	Năm 2012	29,9	29,2	29,1	27,8	26,6	23,3	18,8	5.644,7
	<b>Năm 2013</b>	<b>29,5</b>	<b>28,5</b>	<b>28,8</b>	<b>27,0</b>	<b>25,2</b>	<b>22,7</b>	<b>15,8</b>	<b>5.407,8</b>
	TBNN	29,8	29,4	28,9	27,9	25,6	22,8	18,1	4.493,8
<b>II</b>	<b>Lượng mưa (mm)</b>								
	Năm 2009	167,7	347,7	142,4	94,5	127,0	3,0	2,6	884,9
	Năm 2010	199,9	412,3	345,4	305,6	40,4	30	28,5	1.362,1
	Năm 2011	471,8	341,5	349,7	273,9	151,8	3,7	39,8	1.632,2
	Năm 2012	138,5	478,4	399,6	28,1	53,9	62,4	8,3	1.169,2
	<b>Năm 2013</b>	<b>134,4</b>	<b>480,0</b>	<b>374,5</b>	<b>339,2</b>	<b>84,6</b>	<b>14,7</b>	<b>45,4</b>	<b>1.472,8</b>
	TBNN	195,6	316,0	247,0	140,0	74,6	19,8	15,8	1.009,7
<b>III</b>	<b>Số giờ nắng (h)</b>								
	Năm 2009	181	165	214	165	140	136	76	1.077
	Năm 2010	157	196	140	162	135	160	89	1.039
	Năm 2011	140	173	173	113	93	127	86	905
	Năm 2012	102	157	184	131	130	92	42	838
	<b>Năm 2013</b>	<b>158</b>	<b>158</b>	<b>168</b>	<b>105</b>	<b>145</b>	<b>66</b>	<b>178</b>	<b>978</b>
	TBNN	116	138,2	142,2	114,2	99,6	103	58,6	771,8
<b>IV</b>	<b>Âm độ tương đối (%)</b>								
	Năm 2009	79	83	81	79	82	71	76	78,7
	Năm 2010	78	79	85	82	76	76	80	79,4
	Năm 2011	81	80	81	82	81	79	72	79,4
	Năm 2012	80	83	84	81	79	82	81	81,4
	<b>Năm 2013</b>	<b>77</b>	<b>85</b>	<b>82</b>	<b>85</b>	<b>76</b>	<b>77</b>	<b>71</b>	<b>79,0</b>
	TBNN	79	82	82,6	81,8	78,8	77	76	79,5

**Bảng 2. Diện tích - Năng suất - Sản lượng  
một số loại cây hàng năm vụ Mùa 2013**

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)
1	Cây lúa	28.131,5	-123,3	43,42	2,6	122.147,8	6.837,3
2	Cây ngô	1.563,5	73,1	38,38	9,1	6.000,3	1.637,4
3	Khoai lang	212,5	3,9	81,31	20,3	1.727,90	455,1
4	Rau xanh	1.688,9	102,0	154,60	29,9	26.110,9	6.329,0
5	Đậu đỗ các loại	33,0	20,9	10,15	1,3	33,5	22,8
6	Đậu tương	342,5	-252,6	15,87	1,8	543,6	-296,7
7	Lạc	669,1	110,4	16,14	0,8	1.079,7	223,5
8	Cây TAGS (cỏ)	483,2	-8,5	-	-	-	-
9	Hoa, cây cảnh	19,8	-2,8	-	-	-	-
10	CHN khác	299,9	-43,8	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>33.443,9</b>	<b>-120,7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Bảng 3. Diện tích - Năng suất - Sản lượng lúa vụ Mùa 2013**

TT	Địa phương	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ mùa 2013	So cùng kỳ (±)
1	Vĩnh Yên	1.182,80	57,90	49,49	2,80	5.853,70	601,20
2	Phúc Yên	1.881,80	30,00	39,53	-3,48	7.438,40	-526,00
3	Lập Thạch	3.274,40	-34,00	39,22	3,24	12.840,70	938,80
4	Sông Lô	2.470,60	-12,20	46,06	11,94	11.379,50	2.908,60
5	Tam Dương	3.306,40	15,00	40,32	-1,00	13.331,50	-268,30
6	Tam Đảo	2.524,60	-42,20	44,21	0,42	11.160,90	-78,60
7	Bình xuyên	3.488,00	-43,20	30,99	-7,82	10.808,50	-2.895,40
8	Vĩnh Tường	5.665,10	-106,40	44,95	8,71	25.465,10	4.550,00
9	Yên Lạc	4.337,80	11,80	55,03	3,56	23.869,50	1.607,00
	<b>Toàn Tỉnh:</b>	<b>28.131,50</b>	<b>-123,30</b>	<b>43,42</b>	<b>2,61</b>	<b>122.147,80</b>	<b>6.837,30</b>

**Bảng 4. Cơ cấu trà lúa vụ Mùa 2013**

TT	Trà lúa	Diện tích (ha)	Tỷ lệ diện tích (%)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Mùa sớm	27.570,2	98,00	43,81	120.776
2	Mùa muộn	561,3	2,00	24,44	1.372
<b>Tổng</b>		<b>28.131,5</b>	<b>100,00</b>	<b>43,42</b>	<b>122.147,8</b>

**Bảng 5. Cơ cấu giống và năng suất lúa vụ Mùa năm 2013**

STT	Giống lúa	Diện tích (ha)	TLDT (%)	Năng suất (tạ/ha)	Trong đó (ha)								
					Vĩnh Yên	Phúc Yên	Lập Thạch	Sông Lô	Tam Dương	Tam Đảo	Bình Xuyên	Vĩnh Tường	Yên Lạc
1	KD18	18.381,9	65,34	45,13	948,6	1.350,0	2.570,0	1.358,0	2.625,3	1.613,0	2.150,7	3.201,3	2.565,0
2	Q5	1.826,2	6,49	45,40	-	150,0	80,3	130,0	-	103,0	150,9	308,0	904,0
3	HT1	1.623,9	5,77	38,74	70,2	300,0	-	185,0	-	134,0	352,8	364,9	217,0
4	VD3	825,7	2,94	46,15	-	-	115,5	350,0	113,8	220,4	-	-	26,0
5	Nếp các loại	821,3	2,92	31,52	20,2	-	124,0	-	107,1	155,0	130,0	125,0	160,0
6	QR1	371,0	1,32	42,26	-	-	60,0	85,0	-	9,0	217,0	-	-
7	VS1	367,6	1,31	43,78	-	-	-	-	-	-	152,0	85,6	130,0
8	RVT	328,0	1,17	47,89	-	-	-	148,0	-	-	-	180,0	-
9	BC15	276,8	0,98	53,28	-	-	54,9	-	-	105,0	-	116,9	-
10	Lúa lai	27,9	0,10	8,56	-	-	-	-	5,9	-	-	-	22,0
11	Giống khác	3.281,1	11,66	34,63	143,7	81,8	269,7	214,6	454,3	185,2	334,6	1.283,4	313,8
<b>Tổng</b>		<b>28.131,5</b>	<b>100,00</b>	<b>43,42</b>	<b>1.182,8</b>	<b>1.881,8</b>	<b>3.274,4</b>	<b>2.470,6</b>	<b>3.306,4</b>	<b>2.524,6</b>	<b>3.488,0</b>	<b>5.665,1</b>	<b>4.337,8</b>

**Bảng 6. Diện tích - Năng suất - Sản lượng  
một số cây hàng năm vụ Đông 2013**

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ Đông 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ Đông 2013	So cùng kỳ (±)	Vụ Đông 2013	So cùng kỳ (±)
1	Ngô	11.092,70	-738,80	41,59	0,93	46.131,70	-1.977,00
2	Khoai lang	2.237,60	258,60	104,32	2,88	23.343,10	3.267,00
3	Rau xanh	4.617,80	1.006,30	213,68	19,00	98.671,60	28.363,20
4	Đậu tương	1.938,60	-141,80	17,29	0,51	3.351,80	-139,30
5	Lạc	185,4	-21,40	17,78	0,05	329,7	-37,00
6	CHN khác	315,30	110,70	-	-	-	-
	<b>Tổng:</b>	<b>20.387,40</b>	<b>473,60</b>	-	-	-	-

**Bảng 7. Kế hoạch Diện tích - Năng suất - Sản lượng  
một số cây trồng chính vụ Mùa năm 2014**

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lúa	27.870,0	53,4	148.906,1
2	Cây ngô	1.200,0	45,0	5.400,0
3	Khoai lang	210,0	85,0	1.785,0
4	Rau xanh	1.700,0	180,0	30.600,0
5	Đậu tương	550,0	17,0	935,0
6	Lạc	650,0	18,5	1.202,5
7	CHN khác	820,0	-	-
	<b>Tổng:</b>	<b>33.000,0</b>		

**Bảng 8. Kế hoạch diện tích - Năng suất - sản lượng lúa  
vụ Mùa năm 2014**

<b>TT</b>	<b>Huyện, thị</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Năng suất (tạ/ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>
1	Vĩnh Yên	1.150,0	51,5	5.922,5
2	Phúc Yên	1.900,0	48,0	9.120,0
3	Lập Thạch	3.300,0	50,0	16.500,0
4	Sông Lô	2.470,0	49,0	12.103,0
5	Tam Dương	3.320,0	52,0	17.264,0
6	Tam Đảo	2.440,0	48,0	11.712,0
7	Bình Xuyên	3.320,0	49,0	16.268,0
8	Vĩnh Tường	5.700,0	56,0	31.920,0
9	Yên Lạc	4.270,0	65,8	28.096,6
	<b>Cộng</b>	<b>27.870,0</b>	<b>53,4</b>	<b>148.906,1</b>

**Bảng 9. Kế hoạch Diện tích - Năng suất - Sản lượng  
một số cây hàng năm vụ Đông 2014**

<b>TT</b>	<b>Loại cây trồng</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Năng suất (tạ/ha)</b>	<b>Sản lượng (tấn)</b>
1	Ngô	11.600,0	42,0	50.400,0
2	Khoai lang	2.000,0	100,0	20.000,0
3	Rau xanh	4.500,0	195,0	63.000,0
4	Đậu tương	2.600,0	17,5	6.800,0
5	Lạc	600,0	18,0	900,0
6	CHN khác	1.000,0	-	-
	<b>Tổng DTGT</b>	<b>22.300,0</b>		

## **DỰ BÁO VỀ DIỄN BIẾN THỜI TIẾT VỤ MÙA - VỤ ĐÔNG 2014**

Theo nhận định của Trung tâm dự báo KTTV Vĩnh Phúc, tình hình mưa bão năm 2014 khả năng đến đúng quy luật nhiều năm, số lượng bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển đông khoảng 11-13 cơn. Trong đó, khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta khoảng từ 5 - 6 cơn, ở mức xấp xỉ với TBNN. Diễn biến nhiệt độ và lượng mưa cụ thể như sau:

### **1. Nhiệt độ:**

Nền nhiệt độ toàn vụ có khả năng ở mức cao hơn hoặc xấp xỉ so với TBNN. Tháng nóng nhất có khả năng xảy ra vào tháng 6 với nền nhiệt độ trung bình ngày 29 - 30°C, nhiệt độ cao nhất từ 37 - 39°C. Các tháng còn lại xấp xỉ TBNN

**Bảng 1. Dự báo nhiệt độ**

<b>Tháng</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
TBNN (°C)	27,5	29,3	29,3	28,7	27,7	25,3
Nhiệt độ dự báo (°C)	27,0	29,5	29,0	28,5	27,5	25,0

### **2. Lượng mưa:**

Tổng lượng mưa toàn vụ có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN. Lượng mưa các nơi phổ biến từ 1.450 - 1.550 mm. Trong vụ, mưa nhiều nhất tập trung vào các tháng 5, 6, 7. Lượng mưa các nơi phổ biến 250 - 300 mm. Mưa ít nhất là vào tháng 10, lượng mưa các nơi phổ biến 70 - 100mm.

**Bảng 2. Dự báo lượng mưa**

<b>Tháng</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
Lượng mưa TBNN (mm)	160,1	249,1	258,8	288,8	180,0	115,3
Lượng mưa dự báo (mm)	170,0	265,0	275,0	285,0	170,0	100,0

